

Bản án số: 01/2019/HC - ST
Ngày 16 - 5 - 2019
V/v kiện yêu cầu hủy giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Ngọc Yến
Ông Nguyễn Xuân Thí

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà :
Bà Trần Thị Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2019, tại phòng xét xử án hành chính Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2019/TLST - HC ngày 04 tháng 01 năm 2019, về việc kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2019/QĐXXST - HC ngày 12 tháng 4 năm 2019, giữa:

- Người khởi kiện: Cụ Đinh Ngọc Ch, sinh năm 1947

Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của cụ Đinh Ngọc Ch:

Ông Đinh Thanh Q

Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Có mặt (theo giấy ủy quyền ngày 28/01/2019).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện cụ Đinh Ngọc Ch:

Ông Hồ Lý H – Luật sư, Văn phòng luật sư Hồ Lý H thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Bình. Có mặt

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Bình

Địa chỉ: Thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình

Đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Anh T – Chủ tịch UBND huyện M. Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Văn L – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M (văn bản ủy quyền số 92/UQ - UBND ngày 03/5/2019)

Địa chỉ: Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ủy ban nhân dân xã M, huyện M

Đại diện theo pháp luật: Ông Cao Đình A – Chủ tịch UBND xã M. Vắng mặt

Đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Thành Ch – Công chức Địa chính, Xây dựng và Môi trường Ủy ban nhân dân xã M, huyện M. Có mặt (theo giấy ủy quyền ngày 06/3/2019).

+ Cộng đồng thôn T, xã M, huyện M, tỉnh Quảng Bình

Người đại diện: Ông Thái Văn T – Trưởng thôn T, xã M, huyện M. Có mặt

- *Người làm chứng:*

+ Cụ Trương Văn Đ, sinh năm 1952

Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt (cụ Đ có đơn xin vắng mặt).

+ Cụ Trương Đình H, sinh năm 1945 (nguyên Chủ tịch UBND xã M từ năm 1990 đến năm 2000)

Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt (cụ H có đơn xin vắng mặt)

+ Ông Thái Văn D, sinh năm 1971

Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

+ Cụ Thái Văn U, 68 tuổi

Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

+ Ông Thái Văn T, sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

+ Ông Thái Văn R, sinh năm 1960

Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

+ Ông Thái Văn Th, sinh năm 1960

Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

+ Ông Thái Văn H

Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

+ Ông Cao Xuân D, 42 tuổi

Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

+ Ông Trương Hữu D, 48 tuổi

Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

+ Ông Trương Đình Th, 45 tuổi

Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt
+ Ông Trương Quang V, 48 tuổi
Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa người khởi kiện cụ Đinh Ngọc Ch, người bảo vệ quyền và lợi ích cho người khởi kiện trình bày:

Năm 1997, gia đình cụ nhận chuyển nhượng lại hơn 20.000 m² đất rừng sản xuất tại vùng Đồng Mây Đ (thường gọi rú Quận) của gia đình cụ Trương Văn Đ người ở thôn T, xã M. Nguồn gốc diện tích đất này là do gia đình cụ Đ khai hoang và trồng cây lương thực từ trước năm 1990. Sau khi nhận chuyển nhượng đất từ gia đình cụ Trương Văn Đ, gia đình cụ đã trồng cây ngắn ngày như sắn, khoai và trồng cây lâm nghiệp như hồ keo, tre, cam, bạch đàn và đã thu hoạch nhiều đợt, quá trình sử dụng đất không tranh chấp.

Ngày 25 tháng 4 năm 2018, lãnh đạo thôn T, xã M mời gia đình cụ đến nhà văn hóa thôn T và yêu cầu gia đình cụ trả lại đất đang canh tác, vì lý do gia đình cụ sử dụng đất, trồng cây trên đất của Cộng đồng thôn T.

Ngày 10 tháng 5 năm 2018, Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) xã M mời gia đình cụ làm việc và yêu cầu gia đình cụ trả lại đất cho thôn T, vì diện tích đất gia đình cụ đang canh tác, trồng cây đã được UBND huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) cho Cộng đồng thôn T vào năm 2008. Cụ thấy trong thời gian từ trước năm 1990 cho đến nay gia đình cụ Đ và gia đình cụ sử dụng ổn định không có tranh chấp, việc UBND huyện M cấp GCNQSDĐ cho Cộng đồng Thôn T, gia đình cụ không biết và diện tích đất này chưa được cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc thu hồi đất, bồi thường tài sản trên đất cho gia đình cụ nên đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình cụ. Vì vậy cụ khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy GCNQSDĐ số AO 715134 ngày 24 tháng 12 năm 2008 của UBND huyện M đã cấp cho Cộng đồng thôn T do cấp chồng lên diện tích đất của gia đình cụ đã khai hoang, trồng cây từ trước năm 1990 cho đến nay.

Tại Công văn số 29/UBND ngày 15 tháng 01 năm 2019, tại các phiên đối thoại và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện M trình bày: Thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Cộng đồng thôn T tại thửa số 233, tờ bản đồ số 27 xã M, huyện M đảm bảo đúng quy định. Theo bản đồ kiểm kê rừng huyện Minh Hóa năm 2016 và bản đồ quy hoạch đất rừng thì toàn bộ thửa số 233, tờ bản đồ số 27 xã M, huyện M đều có trạng thái rừng tự nhiên. Vì

vậy, đại diện UBND huyện M đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại các phiên đối thoại và tại phiên tòa, đại diện UBND xã M trình bày: Việc gia đình ông Đ và sau này gia đình cụ Đình Ngọc Ch tự ý khai hoang, trồng cây từ trước năm 1990 là tự phát, quá trình sử dụng đất gia đình cụ Đ và gia đình cụ Ch không có tên trong sổ mục kê địa chính và chưa được cấp các loại giấy tờ liên quan đến diện tích đất đang sử dụng nên đề nghị gia đình cụ Ch trả lại đất cho Cộng đồng thôn T.

Tại các phiên đối thoại và tại phiên tòa, ông Thái Văn T – Trưởng thôn T, xã M trình bày: Qua tìm hiểu và tham khảo những người lớn tuổi và người giữ chức vụ trong thôn các nhiệm kỳ trước thì được biết diện tích đất gia đình cụ Ch đang trồng cây hiện nay là của cụ Trương Văn Đ khai hoang từ năm 1990, sau đó bán lại cho gia đình cụ Đình Ngọc Ch sử dụng cho đến nay. Tuy nhiên, gia đình cụ Ch ở thôn T nhưng sử dụng đất của thôn Tân S là không đúng. Năm 2008 có chủ trương cấp GCNQSDĐ cho các hộ đang sử dụng đất hiện trạng, lãnh đạo thôn có thông báo cho nhân dân trong thôn nhưng gia đình cụ Ch ở thôn khác nên không biết để đăng ký, do đó đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, người khởi kiện vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện, người bị kiện UBND huyện M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án không chấp nhận việc khởi kiện của người khởi kiện, các đương sự không thống nhất được với nhau về giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Đình Ngọc Ch về việc hủy GCNQSDĐ của UBND huyện M cấp cho Cộng đồng thôn T, xã M.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến người khởi kiện, người bị kiện và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Cụ Đình Ngọc Ch khởi kiện yêu cầu hủy GCNQSDĐ số AO 715134 ngày 24 tháng 12 năm 2008 của UBND huyện M cấp cho Cộng đồng thôn T, xã M. Theo quy định tại Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính thì việc khởi kiện của cụ Đình Ngọc Ch thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

[2] Ngày 25 tháng 4 năm 2018, Cộng đồng thôn T, xã M mời gia đình cụ Đình Ngọc Ch đến làm việc để yêu cầu gia đình cụ trả lại diện tích đất đang canh tác trồng cây tại Đồng Mây Đẳng, thôn T, xã M. Lúc này gia đình cụ Ch mới biết diện tích đất gia đình cụ đang canh tác đã bị UBND huyện M cấp GCNQSDĐ cho Cộng đồng thôn T, xã M vào năm 2008. Căn cứ Điều 116 Luật tổ tụng hành chính thì đơn khởi kiện của cụ Đình Ngọc Ch làm trong hạn luật định nên chấp nhận để giải quyết.

[3] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa thì gia đình cụ Đình Ngọc Ch đang sử dụng và canh tác trồng các loại cây trên diện tích 21.693 m² đất rừng tại Đồng Mây Đ, thôn T, xã M (trong đó 19.832m² tại thửa số 233 và 1.861m² tại thửa số 229 tờ bản đồ số 27 xã M). Diện tích đất nói trên do gia đình cụ Trương Văn Đ khai hoang, phục hóa trồng cây trước năm 1990. Năm 1996 gia đình cụ Đ nhượng lại cho gia đình cụ Đình Ngọc Ch sử dụng trồng cây cho đến nay. Quá trình sử dụng diện tích đất nói trên, gia đình cụ Đ và gia đình cụ Ch không bị cơ quan nào xử lý vi phạm về việc sử dụng đất.

[4] Theo kết quả thẩm định tại chỗ ngày 21 tháng 3 năm 2019 thì, diện tích 19.832m² đất trước đây gia đình cụ Trương Văn Đ và sau này gia đình cụ Đình Ngọc Ch sử dụng tại thửa số 233, tờ bản đồ số 27 xã M. Diện tích này không có tên trong sổ mục kê địa chính và chưa được cấp có thẩm quyền cấp các loại giấy tờ liên quan đến diện tích đất đang sử dụng. Nhưng theo những người làm chứng đang canh tác, sử dụng đất liền kề, người cao tuổi sống tại xã M và cán bộ UBND xã M, cán bộ thôn T, thôn Tân Tr xã M các nhiệm kỳ trước thì từ khi khai hoang, phục hóa sử dụng đất trước năm 1990 cho đến nay gia đình cụ Đ và sau này gia đình cụ Ch sử dụng ổn định không có tranh chấp.

[5] Ngày 24 tháng 12 năm 2008, UBND huyện M cấp GCNQSDĐ số AO 715134 cho Cộng đồng thôn T, xã Minh H với diện tích 474.273m² đất rừng sản xuất tại thửa số 233 tờ bản đồ số 27 xã M trong đó có 19.832m² đất gia đình cụ Trương Văn Đ và sau này gia đình cụ Đình Ngọc Ch khai hoang, canh tác, sử dụng trồng cây trước năm 1990 cho đến nay nhưng UBND huyện M không có quyết định thu hồi đất, không bồi thường về đất và tài sản trên đất cho gia đình cụ Đình Ngọc Ch nên đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình cụ Ch, vi phạm Điều 30 Luật đất đai năm 2003.

[6] Tại Công văn số 29/UBND ngày 15 tháng 01 năm 2019 và tại phiên tòa đại diện UBND huyện M và đại diện UBND xã M trình bày theo hồ sơ, bản đồ kiểm kê rừng huyện M năm 2016 và bản đồ quy hoạch thì toàn bộ diện tích thửa đất số 233, tờ bản đồ số 27 xã M, trong đó có diện tích 19.832m² đất gia đình cụ Đình Ngọc Ch đang canh tác, sử dụng là đất có trạng thái rừng tự nhiên. Tuy nhiên,

theo GCNQSDĐ số AO 715134 của UBND huyện M cấp cho Cộng đồng thôn T, xã M thì toàn bộ diện tích đất giao cho Cộng đồng thôn T là đất rừng sản xuất. Tại phiên tòa đại diện UBND xã M và Trưởng thôn T thừa nhận diện tích đất tại thửa số 233, tờ bản đồ số 27 xã M đã giao cho 47 hộ gia đình thôn T quản lý trồng cây lâm nghiệp.

[7] Từ các phân tích tại các mục [2], [3], [4], [5] và [6] cho thấy: UBND huyện M cấp GCNQSDĐ số AO 715134 ngày 24/12/2008 tại thửa số 233, tờ bản đồ số 27 xã M với diện tích 474.273m² đất rừng sản xuất cho Cộng đồng thôn T, xã M là đúng trình tự. Tuy nhiên, phần diện tích 19.832m² đất gia đình cụ Đình Ngọc Ch đã canh tác, sử dụng trước khi UBND huyện M cấp GCNQSDĐ cho Cộng đồng thôn T nhưng chưa được thu hồi và đền bù tài sản trên đất. Do đó có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của cụ Đình Ngọc Ch để hủy một phần GCNQSDĐ số AO 715134 ngày 24/12/2008 của UBND huyện M cấp cho Cộng đồng thôn T, xã M.

[8] Quá trình thu thập chứng cứ cụ Đình Ngọc Ch yêu cầu thẩm định và định giá tài sản trên đất, Tòa án đã tiến hành lập Hội đồng để thẩm định và định giá theo quy định đã chi phí hết 5.000.000 đồng, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của cụ Đình Ngọc Ch xin chịu toàn bộ chi phí này. Việc thỏa thuận chịu chi phí tố tụng của cụ Ch là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Cụ Đình Ngọc Ch khởi kiện được Tòa án chấp nhận nên không phải chịu án phí sơ thẩm hành chính, UBND huyện M phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 358 và Điều 366 Luật tổ tụng hành chính; Điều 30 Luật đất đai năm 2003; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu , miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của cụ Đình Ngọc Ch , hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 715134 ngày 24/12/2008 của Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho Cộng đồng thôn T, xã M với diện tích 474.273m² đất rừng sản xuất, tại thửa số 233, tờ bản đồ số 27 có địa chỉ tại Đồng Mây Đ, thôn T, xã M, huyện M, tỉnh Quảng Bình về phần diện tích 19.832m² đất cấp chồng lấn lên diện tích đất cụ Đình Ngọc Ch đã sử dụng từ trước.

2. Về án phí: Ủy ban nhân dân huyện M phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 16/5/2019.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Nghĩa

